

ĐẠI TỪ

Đại từ sau đây được sử dụng thường xuyên:

I, me, my we, us, our, ours

you, your, yours you, your, yours

he, him, his; she, her, hers; it, its they, them, their, theirs

TEST 1. Hãy gạch dưới các đại từ trong những câu sau đây. Sau đó hãy viết những đại từ đó vào những chỗ trống bên phải.

1. You have my permission to use our copier. 1. You, my, our
2. Roger's sailboat was purchased from his friends in Vancouver. 2.
3. Their clog was playing with its tail. 3.
4. Have you had a chance to speak with them about your retirement? 4.

Vấn đề 1 - Đại từ theo sau mỗi Leader! (Từ dẫn đầu)

Thường một đại từ "theo sau một Leader" có nghĩa rằng một đại từ thường theo sau một danh từ, vì vậy chúng ta hãy xem xét các đại từ như dạng followers (những từ ở sau) và leaders (những từ dẫn đầu).

Example: Mr. Thompson promoted assistant. Mr. Thompson là leader, một danh từ xuất hiện trước tiên. His là follower, his là đại từ chỉ ra danh từ Vir Thompson.

TEST 2. Hãy gạch dưới đại từ và leader của chúng trong những câu sau đây. Rồi viết các đại từ và leader đó vào những chỗ trống bên phải.

1. Has Jean submitted all her expense forms? 1. Jean, her
2. The president wanted her assistant to work overtime. 2.
3. Ivan entered the data into his Computer. 3.
4. The Corporation paid its stockholders a healthy dividend on their investments. 4.

Vấn đề 2 - Sự phù hợp- số ít hoặc số nhiều?

Các đại từ cũng giống như các danh từ, có thể ở dạng số ít hoặc số nhiều. Muốn biết xem đại từ dạng số nhiều hoặc số ít hãy tham khảo leader theo sau của nó:

Nếu đại từ đề cập đến một danh từ số ít thì đại từ đó phải là số ít. Nếu đại từ đề cập đến một danh từ số nhiều thì đại từ đó phải là số nhiều.

The owners evaluated their employees every six months. Owners là số nhiều và their là số nhiều.

The owner evaluated her employees every six months. Owner là số ít và her là số ít.

TEST 3. Hãy gạch dưới bất cứ cách dùng sai nào về dạng đại từ số ít hoặc số nhiều. Hãy viết các câu đúng ở chỗ trống bên phải. (Gợi ý leader được in nghiêng).

1. The newspaper's editorials were well written because it had been edited by a grammarian. 1. they
2. Karl managed their own business. 2..

Trung tâm Luyện thi Amax – 39 LK 6A Làng Việt Kiều Châu Âu

3. The Barker Hotel improved their reputation by providing better Service. 3.
4. Chery had their application completed that same day. 4.

Vấn đề 3 - Sự phù hợp - giống đực, giống cái hoặc giống trung?

Các đại từ he, him, và his, dĩ nhiên là giống đực. Đại từ she, her, và hers là giống cái

Example 1: Clyde Rodman bought his sister's business. Đại từ giống đực là his được dùng cho phù hợp với Clyde Rodman, tên của một người đàn ông.

Example 2: Amy replaced her sedan with a sports car. Đại từ giống cái her phù hợp với Amy, một từ giống cái.

Example 3: Each doctor must submit his or her report. Doctor là giống đực hay giống cái? Dĩ nhiên nó có thể là giống đực hoặc giống cái. Vì vậy chúng ta có thể dùng his hoặc her để phù hợp với doctor

Chú ý: Các từ như supervisor, employee, accountant, president, và person được gọi là đại từ chung; chúng có thể là giống đực hoặc giống cái. Hãy xem một vài ví dụ dưới đây:

Example 4: Each employee in the company was asked for his or her advice. Một công nhân có thể là giống đực hoặc giống cái. Vì vậy his advice cũng sẽ không đúng, và her advice cũng không đúng. His hay her mới đúng.

Example 5: Every member in our fraternity gave his suggestion. Trong trường hợp đặc biệt này ở đây tất cả thành viên đều là đàn ông nên ở đây his mới đúng.

Example 6: Each member in our sorority gave her support to the clothing drive. Trong trường hợp đặc biệt này tất cả thành viên của nhóm đều là phụ nữ, đại từ her mới đúng.

Các đại từ it và its phù hợp với những giống trung (neuter nouns) có nghĩa là những danh từ đó không phải giống đực cũng không phải giống cái. Ví dụ các danh từ giống trung là company, Computer, printer, và desk. Example 7: when you find my expense report, put it on my desk. It phù hợp với expense report.

TEST 4. Các đại từ trong những câu sau đây có đi theo với leader của chúng hay không? Hãy gạch dưới những đại từ bị dùng sai. Viết lại những từ đúng ở khoảng trống bên phải. Nêu một câu đã hoàn chỉnh, viết OK.

1. The company plans to reward their employees. 1. its
2. A doctor is trained to heal his patients. 2.
3. The Outdoor Club wanted their members to vote on the issues. 3.
4. Each office assistant said she would be willing to work on the report. 4.
5. Every participant was requested to submit his or her evaluation of the presentation. 5.

Bài Tập

Đề 1: Hãy chỉ định các đại từ trong những câu sau đây bằng cách viết chúng vào khoảng trống bên phải. (Gợi ý: Có thể có nhiều đại từ trong một câu).

1. where have you seen them recently? 1.
2. At the piano recital, we saw many of our neighbors. 2.

Trung tâm Luyện thi Amax – 39 LK 6A Làng Việt Kiều Châu Âu

3. Dale and Leslie went to visit their uncle in New Hampshire. 3.
 4. Her manager agreed to help him and his assistant with the work. 4.
 5. They said that their Corporation received its charter several years ago. 5.
 6. Ann Marie promised us that we could have the tennis court by noon. 6.
 7. He and I plan to attend the open house on Saturday. 7.
 8. We wish we could attend the opening ceremony, bill we are already committed to another engagement. 8.
 9. My car was picked up by John and his friend. 9.
 10. Yes, I will buy several of your tickets tomorrow. 10.
 11. Can you give me a ride to the airport? 11.
 12. You and your sisters have given me much comfort during my hospital stay. 12.
 13. They both have excellent jobs. 13.
 14. They can give you all the help you need. 14.
 15. Give the papers to them. 15.
 16. Shall we have the meeting at your place or at mine? 16.
 17. Several of them were broken in shipment. 17.
 18. Was he the one your supervisor wanted to hire? 18.
 19. You and I will be asked to make presentations at our annual seminar. 19.
 20. Give us an account of what you did when you were in Washington D.C. 20.
 21. Their company will be moving its corporate headquarters. 21.
 22. He agreed to assist her in her research. 22.
 23. After we retire, Robert and I hope to travel. 23.
 24. Our associates were impressed by what their consultants said. 24.
 25. She realized that she was not responsible for his actions. 25.
- Đề 2: Hãy thay thế chỗ một từ hay nhiều từ trong dấu ngoặc đơn bằng một đại từ. Hãy viết đại từ vào khoảng trống ở bên phải.
1. Return the envelope to (Lorraine) by noon tomorrow. 1.
 2. (Sue and Larry) bought their home in Shorewood, Illinois. 2.
 3. (Joe's) car was in the garage for repairs. 3.
 4. (Employees) wanted to start working on the project immediately. 4.
 5. (Jane and Richard) reviewed the plans for the new building. 5.
 6. Zane gave (Zane's) version of the meeting between him and his boss. 6.
 7. (You and I) organized the entire event. 7.
 8. (Ms. Rocher and she) were responsible for preparing the brochure. 8.
 9. Only (Kathleen and Joe) know the date for the merger. 9.
 10. Are these papers (Frank's and Mary's)? 10.
 11. May I see (Beth's) copy of the program. 11.
 12. Have you given (him and her) your opinion? 12.
 13. Is this manuscript (Giens)? 13.

Trung tâm Luyện thi Amax – 39 LK 6A Làng Việt Kiều Châu Âu

- 1 4. The assistant told (Dawn) about the meeting. 14.
 - 1 5. Please call (Ricdrdo and Carmen) before noon. 15.
 - 1 6. Our spenrvisor promised to notify (Lois and me) of any change. 16.
 - 1 7. The clerk mailed (the book) on Monday. 17.
 18. If that machine is defective, we will have to replace (the machine). 18.
 19. Give these copies to (Jo and jake). 19.
 20. No, Sam did not explain (Sam's) absence. 20.
 21. (Mrs. O'Neill and her staff) created a new design for the ad, 21.
 22. Only the attendees know of (the competitors' and the supporters') proposals. 22.
 23. Stan Targowski reminded (Stan Targowskis) clients about the luncheon meeting. 23.
 24. If I have the time, I would like to review (Rita's) manuscript. 24.
 25. Gertrude included (Gertrude's) recommendations in the report. 25.
- ĐỀ 3: Hãy chỉ ra các leader (the antecedents: các tiền ngữ) của đại từ sau đây bằng cách viết những leaders ở khoảng trống bên phải. (Gợi ý: Đại từ là những từ được in nghiêng).
1. Give the customers what they want. 1.
 2. The car was selected for its color. 2.
 3. Farm Insurance Co. has its headquarters in Bloomington, Illinois. 3.
 4. Dr. Hastings explained the surgery to his patient. 4.
 5. May I please have my manuscript back after you have read it. 5.
 6. Neither Norman nor Nathan has given his review. 6. J
 7. Heather and Milt opened their gifts at the awards banquet. 7.
 8. Have Mr. Shaw and Mr. Patel seen their new offices? 8.
 9. Sitting at her desk, Ann read the day's mail. 9.
 - 1 0. The two Senators eventually had their bill approved. 10.
 11. when Gary and Al heard about the merger, they were concerned. 11.
 - 1 2. A middle-aged couple bought their firs house.
 13. She and I will make our presentation on Thursday.
 14. Legends live on for their entertainment and educational value.
 - 1 5. The President says he is eager to become accountable.
 - 1 6. Congress will continue its current session until July 4.
 - 1 7. Mr. Wilson said, "Please give me the sales figures for April."
 - 1 8. Please sign the form and return it in the enclosed envelope.
 19. He and I have our work scheduled for the month.
 20. Representative Wolf and he were asked to submit their questions about the proposed bill.
 21. You and she should have requested your travel funds earlier.
 22. Ms. Kostner explained her absence from the meeting.
 23. Few were happy with their appointments.

Trung tâm Luyện thi Amax – 39 LK 6A Làng Việt Kiều Châu Âu

24. Dr. Peake and I presented the results of our research.
25. Many salespersons excel at the human relations aspects of their work.
26. Cheryl decided to reschedule her afternoon meeting.
27. After you review the proposal, forward it to Mr. Hart.
28. We guarantee that you will be satisfied with our work.

Luyện thi AMAX